

Bản án số: 238/2017/HS-ST

Ngày: 25-10-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông : Võ Thành Viên

Bà : Nguyễn Thị Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Út - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 207/2017/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2017/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Trung H, sinh năm: 1991, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: số 55/17/44 đường M, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Vương Thị T; chưa có vợ; tiền án: ngày 31/8/2012, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 99/2012/HSST); tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày: 16/5/2017; (Có mặt).

Bị hại: Bà Lê Thị Thu B, sinh năm: 1956; HKTT: 17A/2 đường H, phường L, thành phố I, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: số LB6 đường số 29 khu phố 5, phường P Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Trí T, sinh năm 1983; trú tại: số 348 đường U, Phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h ngày 25/02/2017 B (chưa rõ lai lịch) đi đến nhà Trần Trung H chơi, H đưa xe cho B điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter biển số 59U1 – 956.96 chở H lưu thông từ Tân Bình sang quận Gò Vấp. Đến 14 giờ cùng ngày khi đến trước nhà số 525/1 đường S, Phường M, quận G thì Bảo nhìn thấy bà Lê Thị Thu B đang từ trên ô tô bước xuống xe, trên cổ có đeo sợi dây chuyền màu trắng, B chỉ cho H và rủ cướp giật thì H đồng ý, B cho xe vòng lại áp sát bà Thu B H ngồi sau dùng tay trái giật sợi dây chuyền của bà Thu B rồi tăng ga chạy thoát. Sau đó, B và H đem dây chuyền đến tiệm vàng K quận T bán được 6.500.000 đồng và tiêu xài hết.

Tại Cơ quan điều tra Trần Trung H đã khai nhận hành vi cùng đồng bọn phạm tội như đã nêu trên.

Đối với đối tượng tên B qua xác minh có tên là Võ Cự Ngọc B, ngụ tại 439 K, Phường Y, quận T. Do chưa bắt và ghi lời khai được của B nên chưa có cơ sở xử lý, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe Yamaha Exciter biển số 59U1 – 956.96 H khai đã bán cho người khác không làm giấy mua bán nên không biết người mua ở đâu, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với anh Huỳnh Trí T khi mua sợi dây chuyền không biết là tài sản do phạm tội mà có và đã nấu ra nên cơ quan điều tra không thu hồi được và không có cơ sở để khởi tố.

Bà Lê Thị Thu B khai sợi dây chuyền bà mua trị giá 20.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo H bồi thường, nhưng H chưa bồi thường.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 223/KL ngày 23/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận: 01 sợi dây chuyền trắng, mặt dây chuyền đính hột đá màu xanh qua hồ sơ, không có thông tin chủng loại trọng lượng, không hóa đơn chứng từ liên quan, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng không có cơ sở kết luận chính xác giá trị tài sản sợi dây chuyền trắng, mặt dây chuyền đính hột đá màu xanh.

Tại bản cáo trạng số 222/CTr-VKS, ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Trần Trung H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c,d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đối với vụ án đã đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Trần Trung H từ 04 năm đến 05 năm tù.
- Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Trần Trung H đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối chiếu với điều luật tương ứng do Bộ luật Hình sự quy định, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Trần Trung H đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giữa ban ngày nơi công cộng đông người qua lại bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra và bất chấp cả sự trừng trị của pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác rất táo bạo và liều lĩnh. Do bị cáo sử dụng xe gắn máy thực hiện hành vi phạm tội, nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự là có cơ sở. Xét nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án về tội “cướp giật tài sản” chưa được xóa án nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mà mình vừa được cải tạo xong, thể hiện ý thức bị cáo rất xem thường pháp luật và lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 bộ luật hình sự. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi và tội lỗi của bị cáo đã thực hiện. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, nhằm giúp bị cáo sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, tạo điều kiện cho bị cáo học tập cải tạo lại mình trở thành người tốt hơn có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét một số tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về hình phạt bổ sung xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Thu B vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện bà yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị sợi dây chuyền bị chiếm đoạt là 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là yêu cầu và sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: không có.

[7] Đối với anh Huỳnh Trí T khi mua sợi dây chuyền không biết là tài sản do phạm tội mà có và đã nấu ra nên cơ quan điều tra không thu hồi được và không có cơ sở để khởi tố.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Trung H phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Căn cứ vào điểm c,d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Trung H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/5/2017.

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Trần Trung H phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị Thu B số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Kể từ ngày bà Lê Thị Thu B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 (một triệu) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ngọc Hải